

Chương V.

GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ





Phân loại sản phẩm

Nguồn: Tổng cục Môi trường



Chương 5.

GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

TÓM TẮT NỘI DUNG CHƯƠNG 5

Chương 5 tập trung nêu 6 nhóm giải pháp chủ yếu để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường làng nghề, bao gồm:

1. Hoàn thiện thể chế, tăng cường tổ chức thực hiện pháp luật về BVMT làng nghề
2. Quy hoạch không gian làng nghề gắn với BVMT
3. Giải pháp đối với các làng nghề đang hoạt động
4. Giải pháp đối với các làng nghề đang bị ô nhiễm môi trường
5. Một số giải pháp khuyến khích
6. Một số giải pháp hạn chế và nghiêm cấm

Nhằm triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên, các cấp quản lý môi trường Trung ương tập trung triển khai các giải pháp thuộc nhóm 1; các địa phương chú trọng thực hiện các giải pháp thuộc nhóm 2, 3 và 4; các bộ, ngành tập trung thực hiện, áp dụng các giải pháp thuộc nhóm 5 và 6.

Phát triển bền vững là quan điểm chung đối với mọi sự phát triển ở nước ta, trong đó có làng nghề. Phát triển bền vững đã được khẳng định trong chủ trương, đường lối phát triển của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Đối với phát triển ngành nghề ở nông thôn, yêu cầu phát triển bền vững cũng được khẳng định trong Nghị định 66/2006/NĐ-CP ngày 07/07/2006 của Chính phủ. Chủ trương này cần được quán triệt và thể hiện trong các chính sách phát triển và biện pháp tổ chức thực hiện. Các làng nghề cần được định hướng phát triển bền vững, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế, tạo ra công ăn việc làm, góp phần xoá đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã

hội, góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn.

Để phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 “phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, đảm bảo sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học”, trong phát triển sản xuất, kinh doanh ở các làng nghề thì BVMT phải được kết hợp hài hòa và hướng tới cải thiện môi trường. Sự hài hòa này có nghĩa là: một, không hy sinh lợi ích môi trường cho lợi ích kinh tế trước mắt; hai, các lợi ích từ sản xuất, kinh doanh cần được chia sẻ cho hoạt động bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững chung của làng nghề, bao gồm cả cộng đồng dân cư xung quanh.



Cụ thể hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước về BVMT trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước coi “BVMT là nhiệm vụ của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, cộng đồng và của mọi người dân”, BVMT làng nghề phải là trách nhiệm chung của chính quyền các cấp, địa phương, của cộng đồng sản xuất, kinh doanh và của cộng đồng dân cư làng nghề. Chính quyền các cấp ở địa phương có vai trò chủ động trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về BVMT, hỗ trợ và dẫn dắt các hoạt động BVMT ở làng nghề. Trách nhiệm của cộng đồng sản xuất, kinh doanh làng nghề bao gồm trách nhiệm của bản thân cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với BVMT theo luật định (thuế, phí BVMT, quy chuẩn môi trường,...) và chia sẻ trách nhiệm cải thiện môi trường với cộng đồng dân cư xung quanh. Bên cạnh đó, trách nhiệm của cộng đồng dân cư làng nghề không chỉ giới hạn ở sự tự giác trong ý thức, nhận thức về BVMT mà còn cả trong hành động, trong tham gia các hoạt động BVMT ở địa phương.

Trên cơ sở các quan điểm, chủ trương đã nêu, để giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề cần phải áp dụng tổng hợp các giải pháp quản lý như ban hành các chính sách, pháp luật về BVMT làng nghề, quy hoạch môi trường, quan trắc, kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề, giáo dục nâng cao nhận thức kết hợp với các giải pháp kỹ thuật như áp dụng sản xuất sạch hơn, xử lý ô nhiễm. Bên cạnh đó cần chú ý kết hợp các biện pháp mang tính khuyến khích các hoạt động BVMT và các biện pháp, chế tài nhằm hạn chế, ngăn cấm các hành vi gây tổn hại tới môi trường làng nghề.

5.1. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, TĂNG CƯỜNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BVMT LÀNG NGHỀ

5.1.1. Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về BVMT làng nghề

Chú trọng đến các chính sách phát triển bền vững làng nghề: phát triển sản xuất kinh doanh phải chú ý cải thiện và BVMT, không hy sinh lợi ích môi trường cho lợi ích kinh tế trước mắt; lợi ích sản xuất kinh doanh ở làng nghề cần được chia sẻ cho hoạt động BVMT. Trong đó, trách nhiệm của bên có liên quan bao gồm:

- Xây dựng và đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, chú trọng công tác BVMT (Bộ NN&PTNT là chủ trì chính);

- Xây dựng các cơ chế chính sách tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất của làng nghề vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất, thay đổi công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn, các công nghệ đơn giản để xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn (Bộ Tài chính thực hiện);

- Xây dựng cụ thể hơn chính sách hỗ trợ tài chính để giúp các khu/cụm công nghiệp làng nghề xây dựng các hệ thống xử lý nước thải, các xã, huyện xây dựng các bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh (Bộ Tài chính thực hiện);

- Nghiên cứu các công nghệ thân thiện với môi trường, các công nghệ xử lý chất thải phù hợp với làng nghề và tuyên truyền, phổ biến cho các cơ sở sản xuất của làng nghề (Bộ KH&CN thực hiện);

- Hỗ trợ tìm đầu ra cho các sản phẩm làng nghề để đẩy mạnh xuất khẩu, như các mặt hàng gốm sứ, đồ gỗ, mây tre đan, vải lụa tơ tằm,... (Bộ Công thương thực hiện);



Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật riêng cho vấn đề BVMT làng nghề

Nhanh chóng xây dựng, ban hành và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật về BVMT làng nghề, trong đó cần quy định rõ trách nhiệm của địa phương, các ngành, lĩnh vực hoạt động tại làng nghề (Bộ TN&MT phối hợp với Bộ NN&PTNT, Bộ Công thương và các Bộ/ngành có liên quan thực hiện).

Hoàn thiện hệ thống các văn bản về BVMT làng nghề địa phương như các quy định về BVMT, các quy định cụ thể

về đánh giá tác động môi trường và cam kết BVMT đối với làng nghề; thu phí BVMT đối với nước thải, khí thải, thu gom và xử lý chất thải rắn ở địa phương mình cho phù hợp; lồng ghép BVMT làng nghề vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương; có chính sách hỗ trợ tài chính đối với cán bộ vệ sinh môi trường cấp thôn và trưởng thôn để động viên các cán bộ này hoạt động có hiệu quả hơn trong công tác BVMT (UBND cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện).

Khung 5.1. Một số đề xuất liên quan đến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt về BVMT làng nghề

- Ban hành các văn bản dưới luật hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Luật BVMT đối với làng nghề;
- Cụ thể hoá và ban hành văn bản chính sách hướng dẫn thi hành quyết định 132/2000/QĐ-TTg, Nghị định số 66/2006/NĐ-CP và Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;
- Nghiên cứu ban hành một hình thức cam kết BVMT với một nội dung đơn giản, gọn nhẹ quy định riêng cho các hộ sản xuất ở làng nghề là sản xuất kinh doanh có điều kiện;
- Xây dựng quy định phân cấp trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến BVMT làng nghề;
- Xây dựng hướng dẫn về cách tính tải lượng ô nhiễm/tấn sản phẩm dựa vào cân bằng vật liệu để xác định tải lượng ô nhiễm làm cơ sở tính phí BVMT đối với nước thải, chất thải rắn, khí thải của các cơ sở sản xuất ở làng nghề;
- Xây dựng hướng dẫn các thông số môi trường cần quan trắc đối với loại hình sản xuất của làng nghề và các quy chuẩn môi trường cần đáp ứng;
- Xây dựng các chế tài cụ thể để xử phạt đối với các hành vi vi phạm luật BVMT ở làng nghề;
- Đưa tiêu chí phải thực hiện tốt việc BVMT như phải có hệ thống thu gom và thoát nước thải, có hệ thống thu gom vận chuyển chất thải rắn, có áp dụng các giải pháp giảm tải lượng chất thải thoát ra môi trường vào điều khoản công nhận làng nghề;
- Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích (khen thưởng, ưu đãi cho vay vốn, ưu đãi về các loại phí,...) đối với các cơ sở ở làng nghề tuân thủ tốt các quy định về BVMT;
- Ban hành văn bản cấm sử dụng công nghệ, phương pháp thủ công lạc hậu gây ô nhiễm môi trường như tái chế chì, sản xuất vật liệu xây dựng,...;
- Xây dựng chính sách huy động sự tham gia của cộng đồng vào BVMT làng nghề.



Xây dựng các quy định về vệ sinh môi trường tại các làng nghề

Cụ thể hoá quy định của pháp luật theo từng hoàn cảnh của địa phương, các làng nghề cần tiến hành xây dựng các quy định về vệ sinh, môi trường dưới dạng các Quy định, Hương ước, Cam kết bảo vệ môi trường của chính địa phương mình.

Khung 5.2. Đề xuất một số quy định về vệ sinh môi trường làng nghề

- Giữ gìn vệ sinh chung, không vứt rác bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm, ao hồ, sông ngòi, mương thoát nước;
- Hàng tuần có buổi tổng vệ sinh chung đường làng ngõ xóm, làm sạch cống thoát nước;
- Giữ vệ sinh nguồn nước ăn uống, không đục phá đường ống cấp nước chung;
- Giữ gìn bảo vệ các công trình công cộng;
- Các cơ sở sản xuất phải xử lý khí thải, nước thải đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải ra môi trường, thu gom và vận chuyển rác thải đến nơi quy định để xử lý;
- Hộ dân cư và hộ sản xuất nào vi phạm các quy định trên thì phải nộp phạt với các mức phạt tùy mức độ nặng nhẹ và tùy hoàn cảnh thực tế của địa phương;
- Thành lập tổ thu gom chất thải rắn tại làng nghề có nhiệm vụ thu gom và vận chuyển chất thải rắn đến bãi tập kết rác thải của xã, thôn. Kinh phí cho dịch vụ này do các hộ dân và hộ sản xuất đóng góp tùy lượng rác phát sinh và tùy theo hoàn cảnh thực tế của địa phương.

Xây dựng quy chuẩn quốc gia về khí thải, nước thải phù hợp với các cơ sở sản xuất ở các làng nghề

Các cơ sở sản xuất của các làng nghề đều có quy mô rất nhỏ, trang thiết bị lạc hậu, vốn kinh doanh ít, do đó không thể đủ điều kiện để áp dụng các quy chuẩn quốc gia về khí thải, nước thải công nghiệp đã được ban hành.

Trong điều kiện nước ta đang trong quá trình thúc đẩy công nghiệp hóa nông thôn, cần tiến hành xây dựng và ban hành quy chuẩn nước thải, khí thải đối với các cơ sở sản xuất ở các làng nghề phù hợp với điều kiện thực tế, có lộ trình để đảm bảo tuân thủ quy chuẩn quốc gia. Lộ trình này theo định hướng: trong 5 năm trước mắt, các mức chuẩn khí thải, nước thải đối với các cơ sở sản xuất của làng nghề được nới rộng gấp 2 lần các mức chuẩn đối với khí thải, nước thải công nghiệp; 5 năm tiếp theo, giảm xuống 1,5 lần và 10 năm sau sẽ bằng với quy chuẩn khí thải, nước thải công nghiệp nói chung.

Xây dựng Tiêu chí làng nghề xanh và các chính sách liên quan

Xây dựng Tiêu chí “Làng nghề xanh” nhằm xếp loại các làng nghề theo hướng BVMT, phát triển bền vững.

Căn cứ trên kết quả xếp loại Làng nghề xanh, các sản phẩm của làng nghề đạt Tiêu chí sẽ được gán “Nhãn xanh”. Xây dựng chính sách ưu tiên trong cấp vốn, lưu thông hàng hoá đối với những “Làng nghề xanh” và sản phẩm được gán “Nhãn xanh”.

Bên cạnh đó, xây dựng cơ chế phổ biến thông tin cho cộng đồng về các kết quả xếp hạng “Làng nghề xanh”, cũng như quảng bá cho các sản phẩm được gán “Nhãn xanh” trên các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, đài, báo, trang web, tờ rơi.



5.1.2. Hoàn thiện bộ máy quản lý môi trường cấp phường, xã, thị trấn

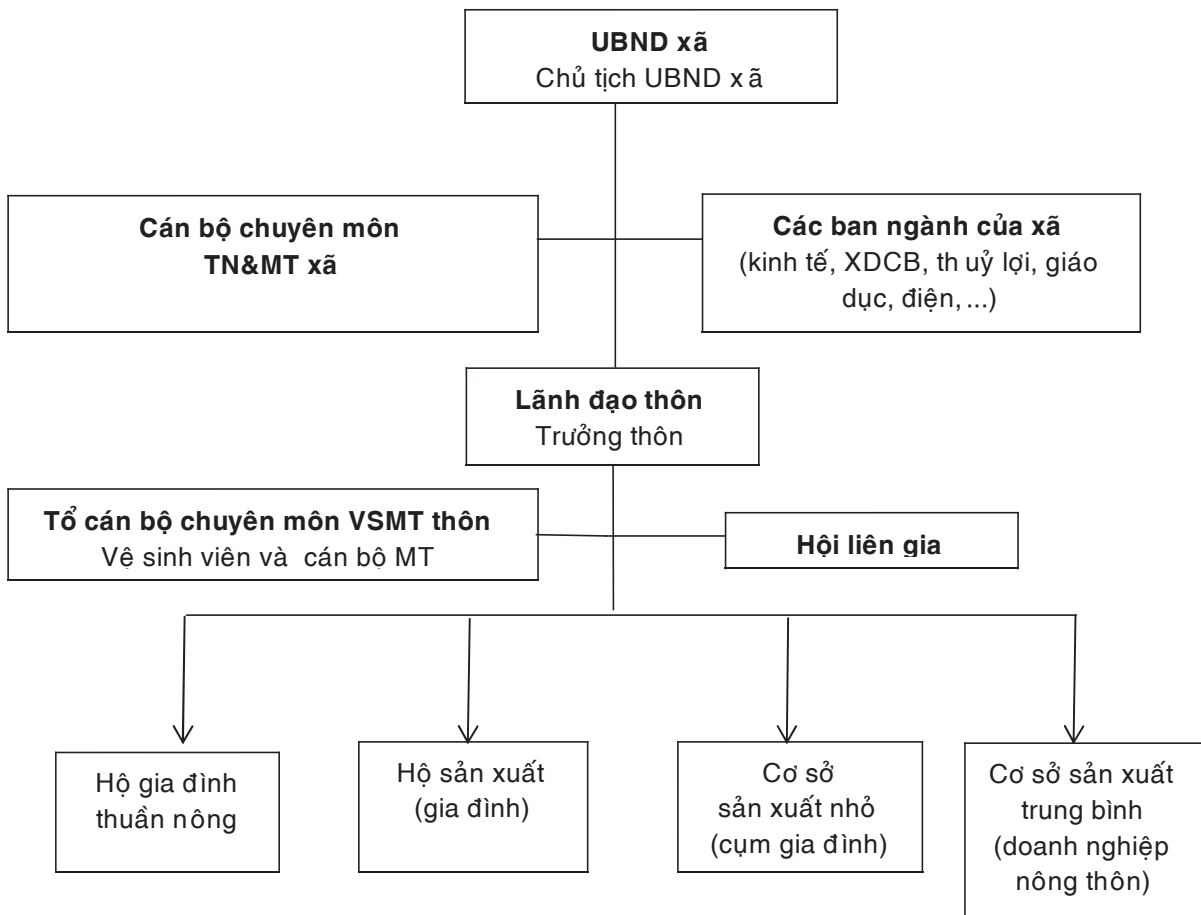
Các cơ quan, chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn sau đây gọi tắt là cấp xã) đóng vai trò quyết định trong công tác BVMT làng nghề.

Nên lấy quản lý cấp xã là nòng cốt trong hệ thống quản lý môi trường các làng nghề, vì tại cấp xã, các cán bộ quản lý có thể đi sát hoạt động của từng hộ gia đình để thực hiện hiệu quả các giải pháp quản lý. Hệ thống quản lý môi trường cấp xã được thể hiện trên Hình 5.1.



Ao làng

Nguồn: Tư liệu



Hình 5.1. Cơ cấu hệ thống quản lý môi trường cấp xã



Với hướng tiếp cận như trên, cần thiết phải xây dựng, bổ sung chức năng, nhiệm vụ về BVMT cho các tổ chức, bộ phận chuyên môn có liên quan ở cấp xã và cấp thôn, bản.

Phân công rõ ràng chức năng, nhiệm vụ cho các cơ quan/cá nhân thực hiện

Quy định rõ chức năng và nhiệm vụ các tổ chức, cá nhân trong quản lý môi trường làng nghề. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý môi trường cấp trung ương với địa phương, các Bộ/ngành,...

Bảng 5.1. Phân công chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức cá nhân trong quản lý môi trường làng nghề

TT	Tổ chức, cá nhân	Chức năng, nhiệm vụ
1	Cấp Trung ương	
	Chính phủ	Xây dựng luật, chiến lược, chính sách, phát triển bền vững làng nghề
	Bộ TN&MT	Xây dựng và ban hành các chính sách liên quan tới BVMT làng nghề
	Bộ NN&PTNT	Xây dựng các chính sách liên quan tới phát triển làng nghề và chỉ đạo thực hiện BVMT làng nghề
	Bộ KH&CN	Đẩy mạnh các nghiên cứu công nghệ thân thiện với môi trường áp dụng cho làng nghề, các công nghệ sản xuất sạch hơn và xử lý chất thải cho làng nghề
	Bộ Công thương	Quản lý các khu/cụm công nghiệp làng nghề, hỗ trợ tìm đầu ra cho các sản phẩm từ làng nghề
	Bộ Xây dựng	Xây dựng các chính sách, văn bản liên quan đến quy hoạch cơ sở hạ tầng về BVMT và quản lý chất thải rắn của các khu/ cụm công nghiệp làng nghề
	Bộ Y tế	Xây dựng các chính sách, văn bản liên quan đến quản lý an toàn lao động và sức khỏe môi trường tại các làng nghề
	Bộ Tài chính	Xây dựng và ban hành các chính sách hỗ trợ tài chính, thuế liên quan tới BVMT làng nghề
2	Cấp tỉnh, thành phố	
	UBND tỉnh, thành phố	Xây dựng, ban hành các quy định liên quan tới BVMT làng nghề tại địa phương Tổ chức thực thi các chính sách, pháp luật về BVMT làng nghề Xây dựng quy hoạch phát triển nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh, thành phố Tăng cường nguồn lực tài chính (thông qua phân bổ ngân sách nhà nước, các chương trình, dự án, kế hoạch về BVMT làng nghề) nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện các biện pháp BVMT
	Sở TN&MT	Tham mưu, xây dựng các quy định liên quan tới BVMT làng nghề tại địa phương và trình UBND phê duyệt và ban hành
	Sở NN&PTNT	Thực hiện các chính sách phát triển làng nghề và BVMT làng nghề
	Sở Công thương	Quản lý các khu/cụm công nghiệp làng nghề
	Sở Xây dựng	Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng về BVMT và quản lý, xử lý chất thải rắn của các khu, cụm công nghiệp làng nghề
	Sở Y tế	Kiểm tra, giám sát công tác quản lý an toàn lao động và môi trường lao động, sức khỏe cộng đồng tại làng nghề
<i>Các Bộ, sở liên quan tới BVMT làng nghề cần phối hợp với nhau trong việc ra các chính sách, không để chồng chéo hoặc bỏ sót</i>		



3	Cấp huyện, xã	
	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước, của UBND các cấp tỉnh, huyện, xã về công tác BVMT trên địa bàn - Lựa chọn, bố trí khu tập kết rác thải của xã - Đưa ra các biện pháp xử phạt hành chính cụ thể đối với những hành vi đổ rác bừa bãi ra môi trường trên cơ sở thực hiện Nghị định của Chính phủ về xử phạt hành chính.
	Bộ phận chuyên trách về TNMT huyện, xã	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu xây dựng các văn bản, lập kế hoạch BVMT cấp huyện/xã - Kết hợp với các bộ phận chuyên trách khác trong xã xây dựng kế hoạch hàng năm về BVMT của xã, trình lên UBND xã phê duyệt và giám sát việc thực hiện kế hoạch, lập báo cáo hàng năm cho UBND xã về tình hình thực hiện công tác BVMT trong xã - Phối hợp với cán bộ VSMT cấp thôn trong việc hướng dẫn thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện luật BVMT và các quy định của UBND cấp tỉnh, huyện, xã về BVMT - Phối hợp với cán bộ VSMT cấp thôn trong việc tổ chức thực hiện công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về BVMT cho các tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong xã
4	Cấp thôn	
	Trưởng thôn, cán bộ phụ trách VSMT thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, cụ thể hoá các quy định về BVMT trên địa bàn thôn dưới dạng các Hương ước, Quy ước, Quy định về BVMT - Lập báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình BVMT thôn cho UBND xã - Trợ giúp cán bộ VSMT của xã huyện, tỉnh, nhà nước trong việc hướng dẫn, kiểm tra thực hiện BVMT của thôn - Tham gia tổ chức công tác truyền thông, giáo dục nâng cao ý thức BVMT cho nhân dân trong thôn
	Tổ VSMT thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Thu gom rác thải ở thôn tới bãi tập kết của xã - Nạo vét cống rãnh thoát nước
	Hộ sản xuất ở làng nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Có các quy định về an toàn lao động, VSMT ở cơ sở sản xuất - Tuân thủ các quy định về BVMT của nhà nước cấp trung ương và địa phương (tỉnh, huyện, xã, thôn) - Áp dụng các biện pháp sản xuất sạch hơn, xử lý chất thải để giảm thiểu ô nhiễm do cơ sở mình gây ra - Đóng phí BVMT do nhà nước qui định - Đóng góp nhân lực và kinh phí trong BVMT thôn (tự nguyện)
	Hộ gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các quy định về VSMT của thôn, xã
5	Các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể (hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh,...)	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức VSMT của nhân dân trong thôn - Tham gia các hoạt động VSMT của thôn



Tăng cường nhân lực cho BVMT làng nghề

Bổ sung cơ cấu cán bộ cho các tổ chức, bộ phận chuyên môn có liên quan ở cấp xã và cấp thôn, bản: mỗi xã có làng nghề cần có một cán bộ quản lý về môi trường, mỗi thôn (làng) có một cán bộ vệ sinh môi trường. Nếu ước tính cả nước có khoảng 500 xã có làng nghề (trung bình 1 xã có 3 - 4 làng nghề) thì cần bố trí 500 cán bộ phụ trách môi trường có trình độ đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành môi trường cho các xã và khoảng 2.000 cán bộ vệ sinh môi trường cấp thôn.

Các tỉnh có làng nghề cần rà soát nhu cầu về cán bộ phụ trách môi trường cấp xã để xây dựng kế hoạch bổ sung cán bộ hàng năm và tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về môi trường để đáp ứng yêu cầu về số lượng và trình độ. Phấn đấu sau 3 đến 5 năm thì có đủ số cán bộ theo yêu cầu.

Tổ chức các lớp đào tạo giảng viên đối với các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về môi trường cho các cán bộ quản lý môi trường các cấp và các lớp tập huấn nâng cao nhận thức môi trường cho cộng đồng để có phương pháp và nội dung sát thực, phù hợp với mục tiêu tập huấn đặt ra.

5.1.3. Tăng cường tổ chức thực thi pháp luật BVMT làng nghề

Tăng cường hoạt động giám sát môi trường làng nghề và thực hiện kiểm kê nguồn thải

Các Sở TN&MT cần xây dựng kế hoạch định kỳ giám sát môi trường ở một số làng nghề điển hình ở địa phương mình. Đặc biệt đối với các địa phương có tập trung nhiều làng nghề như Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Đồng Nai,... để có số liệu đánh giá diễn biến môi trường làng nghề với các loại hình sản xuất điển hình.

Tăng cường kiểm kê phát thải từ các nguồn thải tại các làng nghề để quản lý được các thông tin về tổng lượng thải và tải lượng ô nhiễm của các chất thải.

Tăng cường giám sát môi trường đối với các cơ sở sản xuất phát triển mở rộng tại các làng nghề, yêu cầu các cơ sở này thực hiện cam kết BVMT để đảm bảo các đầu tư này theo hướng công nghệ thân thiện với môi trường. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về BVMT trong cam kết BVMT của các cơ sở sản xuất trong làng nghề.

Tăng cường giám sát các khu/cụm công nghiệp làng nghề hiện có và mới thành lập, yêu cầu các khu/cụm công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống quản lý chất thải rắn, hệ thống quản lý môi trường của khu/cụm công nghiệp làng nghề.

Kinh phí cho các hoạt động này có thể lấy từ ngân sách chi cho sự nghiệp môi trường của địa phương và do các chủ cơ sở sản xuất đóng góp.

Triển khai áp dụng các công cụ kinh tế như phí BVMT đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn đối với làng nghề

Sở TN&MT cần hướng dẫn bằng văn bản cho cấp huyện, xã cách lập biểu thống kê các nguồn thải và thải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải, nước thải, chất thải rắn của các cơ sở sản xuất trong làng nghề ở địa phương theo phương pháp tính trung bình lượng sản phẩm sản xuất/ngày. Từ đó tính phí BVMT đối với nước thải, chất thải rắn và sắp tới tính phí BVMT đối với khí thải.

Tăng cường cưỡng chế thực thi pháp luật trong BVMT làng nghề

Tăng cường công cụ pháp luật, bắt buộc các cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề tuân thủ các quy định



của pháp luật liên quan đến BVMT. Đối với các hành vi thải, đổ chất thải ra môi trường vượt quá quy chuẩn cho phép, gây tác động xấu tới sức khỏe cộng đồng và ảnh hưởng tới cây trồng vật nuôi, chính quyền địa phương cần đề ra thời gian xử lý và phải được xử phạt theo qui định của nhà nước và địa phương.

Tăng cường công cụ thông tin trong BVMT làng nghề

Tuyên truyền phổ biến luật BVMT, phổ biến các quy chuẩn môi trường trong các nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong làng nghề để có thể dễ dàng triển khai thi hành pháp luật.

Tăng cường thu thập thông tin, số liệu, tạo lập các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, trao đổi, chia sẻ, công bố thông tin, số liệu môi trường làng nghề. Đưa các thông tin đã có của các đề tài, dự án nghiên cứu về làng nghề lên các phương tiện truyền thông như trang web, đài, báo nhằm tránh đầu tư trùng lặp.

5.2. QUY HOẠCH KHÔNG GIAN LÀNG NGHỀ GẮN VỚI BVMT

Việc quy hoạch các khu/cụm công nghiệp ở các làng nghề để di dời các cơ sở gây ô nhiễm nặng ra khỏi khu vực dân cư, đồng thời tại các khu này phải có các hệ thống xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn,... đã được nêu trong Chiến lược BVMT và đang được nhiều tỉnh có làng nghề triển khai. Có 2 loại hình quy hoạch chính là quy hoạch tập trung theo cụm công nghiệp nhỏ và quy hoạch phân tán tại chỗ:

- Quy hoạch tập trung theo cụm công nghiệp nhỏ: cần xa khu dân cư và quy hoạch đồng bộ mặt bằng sản xuất, cơ sở hạ tầng như đường giao thông, hệ thống

cung cấp điện, nước, hệ thống thông tin, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn để xử lý tập trung. Quy hoạch khu vực sản xuất tùy thuộc vào đặc thù của loại hình làng nghề như sản xuất gốm sứ, dệt nhuộm, tái chế giấy,...

- Quy hoạch phân tán: Quy hoạch sản xuất ngay tại hộ gia đình kết hợp cải thiện điều kiện sản xuất và cải thiện vệ sinh môi trường mà không cần phải di dời, hạn chế tối đa việc coi nới, mở rộng đường, xây nhà cao tầng, lưu giữ khung cảnh sản xuất, tính cổ truyền nhân văn của làng để có thể kết hợp với du lịch. Loại hình này thích hợp với làng nghề cổ truyền thống như Rượu Tam Đa - Bắc Ninh và các làng nghề ít gây ô nhiễm.

Hai loại hình quy hoạch tập trung và quy hoạch phân tán đều có thể được áp dụng cho làng nghề. Cần phải nghiên cứu kỹ về các điều kiện liên quan đến số lượng cơ sở sản xuất, quy mô cơ sở, đặc trưng loại hình sản xuất, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch không gian trước khi quyết định phương án quy hoạch nhằm đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp về BVMT. Với mỗi loại hình làng nghề cần có những mô hình quy hoạch phù hợp (Bảng 5.2).



Phơi gốm

Nguồn: Tư liệu



Bảng 5.2. Mô hình quy hoạch cho làng nghề dệt nhuộm

(Đặc điểm: ô nhiễm, nước thải chứa nhiều chất ô nhiễm, chất màu, hơi hoá chất từ khâu nấu, tẩy nhuộm, khí thải nổi hơi)

Đặc điểm quy hoạch tập trung	Đặc điểm quy hoạch phân tán
Đưa vào khu quy hoạch: - Cơ sở có ≥ 30 máy dệt - Các cơ sở tẩy nhuộm Quy hoạch cụm sản xuất: - Khu vực dệt - Khu vực tẩy nhuộm - Khu vực lò hơi Xây hệ thống xử lý nước thải cho khu quy hoạch Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại Xử lý khí thải cho khu vực nổi hơi Có bộ phận phụ trách môi trường chung của khu quy hoạch Có hệ thống cung cấp và quản lý điện nước của khu quy hoạch	Những cơ sở có ít máy dệt và tẩy nhuộm quy mô nhỏ Quy hoạch hợp lý khu vực sản xuất: Khu vực dệt cách xa khu ở Phải có hệ thống xử lý cục bộ nước thải tẩy nhuộm Nhà xưởng phải thông thoáng và quy hoạch trong từng hộ hợp lý Hệ thống thoát nước của làng phải đảm bảo tiêu thoát được nước thải của cả làng kể cả khi có mưa Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn của cả làng Thu gom bông sợi bán lại để tận dụng

Nguồn: Đề tài KC 08.09, 2005

Trước mắt không nên mở tràn lan các khu/cụm công nghiệp làng nghề tập trung mà không có quy hoạch chi tiết; cần đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của các khu/cụm công nghiệp làng nghề hiện có theo đúng quy hoạch.

Cần nghiên cứu xây dựng mô hình trình diễn về loại quy hoạch tập trung và quy hoạch phân tán cho từng loại hình làng nghề để có kết quả nhân rộng ra các địa phương có loại hình làng nghề tương tự.

Các Sở TNMT phải xây dựng kế hoạch quản lý môi trường, định kỳ giám sát môi trường các làng nghề ở địa phương, đặc biệt đối với các tỉnh có tập trung nhiều làng nghề.

Tăng cường quản lý môi trường đối với các cơ sở mở rộng sản xuất, yêu cầu các cơ sở này thực hiện cam kết BVMT và đầu tư theo hướng công nghệ thân thiện với môi trường.

Tăng cường kiểm kê phát thải từ các nguồn thải trong các làng nghề.

5.3. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC LÀNG NGHỀ ĐANG HOẠT ĐỘNG

5.3.1. Tăng cường mạnh mẽ công tác quản lý môi trường tại các làng nghề

Trên cơ sở hoàn thiện thể chế và các văn bản về BVMT làng nghề, đối với các làng nghề đang hoạt động phải tăng cường các hoạt động giám sát môi trường chặt chẽ, thực hiện kiểm kê nguồn thải để đề xuất các kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

5.3.2 Tăng cường áp dụng các công nghệ xử lý chất thải làng nghề

Quy định và triển khai có hiệu quả việc áp dụng các công nghệ xử lý chất thải: đối với các khu, cụm công nghiệp làng nghề cần xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, có tổ quản lý chất thải rắn; đối với các cơ sở sản xuất phân tán cần khuyến khích áp dụng giải pháp xử lý cục bộ khí thải và nước thải, chất thải rắn. Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý chất thải tại làng nghề cần đảm bảo:



- Chất thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành;
- Công nghệ cần đơn giản, dễ vận hành, dễ chuyển giao;
- Vốn đầu tư, chi phí vận hành thấp, phù hợp điều kiện sản xuất của làng nghề;
- Ưu tiên công nghệ có khả năng tận thu, tái sử dụng chất thải.

5.4. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC LÀNG NGHỀ ĐANG BỊ Ô NHIỄM NGHIÊM TRỌNG

5.4.1. Khả năng xử lý môi trường trong các làng nghề đã có trong danh sách Quyết định 64/2003/QĐ-TTg

Nhằm xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 64/2003/QĐ-TTg về

Khung 5.3. Một số giải pháp công nghệ xử lý chất thải

Làng nghề chế biến nông sản thực phẩm

Nước thải là nguồn gây ô nhiễm chính tại các làng nghề chế biến nông sản, thực phẩm bao gồm nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi. Để xử lý, tận dụng nguồn nước thải này, có thể áp dụng hệ thống xử lý theo kiểu hầm Biogas. Xử lý bằng Biogas có nhiều cách như sử dụng túi sinh khí Biogas bằng chất dẻo, hầm có nắp nổi và hầm có nắp cố định. Khi hệ thống Biogas hoạt động, một mặt cung cấp nguồn năng lượng (khí Gas) cho các hộ sử dụng trong sinh hoạt (đun nấu), nước sau khi xử lý ở bể Biogas (thực chất là quá trình xử lý yếm khí) có thể giảm được 40-50% hàm lượng chất hữu cơ trong nước thải. Ngoài ra, lượng bùn cặn thu được có hàm lượng dinh dưỡng cao, đây là nguồn phân bón rất tốt cho nông nghiệp.

Làng nghề tái chế kim loại

Xử lý khí thải

Khí thải là nguồn gây ô nhiễm chính tại các làng nghề tái chế kim loại. Nguồn phát thải chủ yếu bao gồm khí thải của các lò nấu luyện kim loại, các hơi dung môi và khí từ quá trình gia công cơ khí khác.

- Đối với các làng nghề tái chế sắt thép thì khí thải có thành phần gây ô nhiễm chủ yếu là bụi, các khí gây ô nhiễm khác đều thấp hơn mức quy định trong TCVN, vì vậy chỉ cần lắp đặt các thiết bị xử lý bụi (Xyclon khử bụi) và chống nóng là đủ.

- Đối với các làng nghề đúc nhôm, đúc chì và một số cơ sở đúc nhôm khác, do khí thải của các cơ sở sản xuất chứa nhiều thành phần độc hại như hơi chì, nhôm, đồng... nên cần phải lắp đặt cả hệ thống Xyclon tách bụi và bố trí thêm các tháp rửa có dung dịch hấp thụ là nước hoặc các dung môi hoá học để đảm bảo chất lượng không khí sau xử lý.

- Đối với các lò đúc (nhôm, chì, đồng) có quy mô sản xuất nhỏ và điều kiện kinh phí hạn hẹp có thể chỉ cần bố trí một quạt hút khí thải qua chụp trên miệng nôi lò đúc, cho sục qua bể chứa nước vôi (xây gạch).

Xử lý nước thải

Đặc điểm chính của nước thải mạ điện ở các làng nghề gia công và tái chế kim loại là lượng nước thải không lớn, nguồn thải không tập trung và chế độ thải gián đoạn. Nước thải có thành phần ô nhiễm chủ yếu là các kim loại Zn, Fe và có độ pH thấp. Để đạt được hiệu quả tốt trong việc xử lý việc cần thiết đầu tiên là phải tiến hành tách dòng thải cơ sở mạ điện để đưa đi xử lý riêng, tránh gây ô nhiễm cho các nguồn nước thải khác.

Nguồn: Đề tài KC 08.09, 2005



việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đây là một quyết định quan trọng, thể hiện sự kiên quyết của Chính phủ trong việc từng bước loại bỏ khỏi đời sống xã hội những cơ sở nằm trong "sách đen", góp phần bảo vệ môi trường, với mục tiêu đến năm 2012, trên cả nước, phải xử lý triệt để 4295 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Theo Quyết định này, có 13 làng nghề bị đưa vào danh sách các

cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý ô nhiễm triệt để, trong đó có 3 làng nghề dệt nhuộm, 3 làng nghề tái chế, 2 làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác đá, 5 làng nghề chế biến thực phẩm. (Bảng 5.3)

Thời gian qua, một số cơ sở có tên trong danh sách Quyết định 64/2003/QĐ-TTg đã nỗ lực xử lý, giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường và được đưa ra khỏi danh sách này. Rất

Bảng 5.3. Danh sách làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg

STT	LÀNG NGHỀ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC
1	Làng nghề sản xuất vôi hào	Bao Vinh - Thành phố Huế và xã Lộc Hải - Huyện Phú Lộc - Thừa Thiên -Huế	2003 - 2004	Di chuyển địa điểm và kết hợp xây dựng hệ thống xử lý khí độc, hoàn thiện qui trình công nghệ
2	Làng nghề Nha Xá	Huyện Duy Tiên - Tỉnh Hà Nam	2003 - 2006	Thu gom, xử lý nước thải, qui hoạch sản xuất và đổi mới công nghệ
3	Khu vực làng nghề xã Đông Tân - Đông Hưng	Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hoá	2003 - 2006	Quy hoạch và cải tiến tổ chức, công nghệ sản xuất
4	Làng nghề nấu rượu truyền thống Làng Vân	Xã Vân Hà - Huyện Việt Yên - Tỉnh Bắc Giang	2003 - 2006	Xây dựng hệ thống nước sạch tập trung, xử lý nước thải, chất thải rắn
5	Làng nghề tái chế đồng chì kẽm	Xã Chỉ Đạo - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên	2003 - 2006	Xử lý rác thải, khí thải
6	Làng nghề tái chế nhựa Minh Khai	Minh Khai - Tỉnh Hưng Yên	2003 - 2006	Xử lý rác thải, khí thải
7	Làng nghề thuộc da Liễu Xá	Liêu Xá - Tỉnh Hưng Yên	2003 - 2006	Xử lý nước thải
8	Làng nghề sản xuất bột dong giềng	Xã Tứ Dân - Huyện Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên	2003 - 2006	Xử lý nước thải
9	Làng nghề giết mổ gia súc, gia cầm	Cẩm Giàng - Tỉnh Hải Dương	2003 - 2006	Xử lý nước thải, chất thải rắn
10	Các làng nghề (Dệt nhuộm, tơ tằm và trạm bạc)	Tỉnh Thái Bình	2003 - 2006	Xử lý nước thải
11	Các làng nghề tinh lọc bột sắn	Xã Thủy Dương - Huyện Hương Thủy và Xã Lộc Bổn - Huyện Phú Lộc - Tỉnh Thừa Thiên Huế	2003 - 2006	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, bã thải và hoàn thiện qui trình công nghệ
12	Làng nghề đúc đồng	Phường Đức - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên - Huế	2003 - 2006	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải và hiện đại hoá công nghệ sản xuất
13	Làng nghề mổ trâu ở Phúc Lâm	Tỉnh Bắc Giang	2003 - 2006	Xây dựng hệ thống nước sạch tập trung, xử lý nước thải, chất thải rắn

Nguồn: Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ



tiếc, đến nay, cả 13 làng nghề có trong danh sách Quyết định 64/2003/QĐ-TTg, vẫn chưa có làng nghề nào được đưa ra khỏi danh sách này. Đây là một thực tế rất đáng nhận được sự quan tâm đặc biệt. Trong thời gian tới, các địa phương và các làng nghề phải khẩn trương xử lý môi trường để được cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để và đưa ra khỏi danh sách đen.

5.4.2. Phát hiện và xử lý trường hợp phát sinh các làng nghề gây ô nhiễm môi trường

Các địa phương cần tích cực chỉ đạo, phối hợp các ban ngành để thực hiện Quyết định 64/2003/QĐ-TTg và đưa các làng nghề đã hoàn thành xử lý ô nhiễm ra khỏi danh sách đen. Mặt khác, vẫn cần tăng cường thanh tra, kiểm tra để đưa vào danh sách này các làng nghề vẫn tiếp tục gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Nếu phát hiện mới các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, cần nhanh chóng và kiên quyết đưa vào danh sách “đen”, cần phải xử lý ô nhiễm



Phơi rơm

Nguồn: Tư liệu

môi trường, nếu không sẽ áp dụng các biện pháp kiên quyết hơn.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở sản xuất của các làng nghề này. Yêu cầu các cơ sở sản xuất phải triển khai áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm giảm thiểu ô nhiễm. Yêu cầu các làng nghề phải xây dựng các lộ trình xử lý ô nhiễm và triển khai thực hiện theo đúng lộ trình được phê duyệt.

5.4.3. Xử lý các khu vực bị ô nhiễm môi trường do hoạt động của các làng nghề

Thực tế cho thấy, một số làng nghề gây ô nhiễm môi trường không chỉ trong phạm vi làng, xã, mà còn gây ô nhiễm cho cả một khu vực hoặc đoạn sông, dòng sông. Như vậy, một số trường hợp, việc xử lý ô nhiễm không chỉ giới hạn trong phạm vi làng nghề mà cần phải xử lý cả các khu vực đã bị ô nhiễm, như các đoạn sông, dòng sông. Các địa phương cần phải điều tra, đánh giá các khu vực ô nhiễm môi trường do các hoạt động làng nghề và đề xuất các kế hoạch để xử lý ô nhiễm và khôi phục môi trường cho các khu vực này.

5.5. MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHUYẾN KHÍCH

5.5.1. Khuyến khích áp dụng sản xuất sạch hơn, các công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xử lý các chất thải làng nghề

Khuyến khích các cơ sở sản xuất trong làng nghề áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn để vừa giảm lượng phát thải, vừa lại mang lại hiệu quả kinh tế. Cho vay ưu đãi với lãi suất thấp đối với các chủ cơ sở áp dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến tạo ít chất thải. Mức cho vay có thể tính trên tỷ lệ % giá trị công trình. Phần còn lại cho chủ cơ sở tự đầu tư.

**Khung 5.4. Sản xuất sạch hơn**

Sản xuất sạch hơn là một cách thức mới và sáng tạo trong tư duy về các sản phẩm và quy trình công nghệ làm ra các sản phẩm đó nhằm: tạo ra các sản phẩm không gây hại tới môi trường; giảm thiểu mức phát thải: khí thải, nước thải, chất thải rắn; hợp lý về mặt sinh thái.

Lợi ích của sản xuất sạch hơn: Sản xuất sạch hơn mang lại hiệu quả to lớn về mặt sinh thái, môi trường và xã hội.

Hiệu quả kinh tế: Sử dụng có hiệu quả hơn nguyên, nhiên liệu và nước, tuần hoàn, tận thu các chất thải để sản xuất ra các sản phẩm phụ làm cho chi phí sản xuất giảm (tiết kiệm vật tư, điện, nước, thu hồi nhiệt,...) và cũng giảm được chi phí xử lý dòng thải.

Hiệu quả môi trường: Khi mức phát thải thấp, môi trường sẽ được cải thiện, ít ô nhiễm hơn, xử lý dòng thải sẽ rẻ hơn. Hạn chế được ảnh hưởng xấu của môi trường tới sức khỏe cộng đồng, để phát triển sản xuất của làng nghề bền vững.

Hiệu quả xã hội: Sản xuất với hiệu quả cao, giữ được môi trường trong lành sẽ giảm áp lực mâu thuẫn giữa những hộ sản xuất nghề và những hộ không sản xuất nghề, tạo được không khí đoàn kết trong dân, tạo ấn tượng tốt về hình ảnh làng nghề.

Trong thời gian qua, các nhà khoa học Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn cho các nhóm làng nghề chính. Đây là cơ sở quan trọng cho việc triển khai, mở rộng áp dụng trên diện rộng cho các làng nghề trên cả nước (Bảng 5.4).

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các dự án nghiên cứu về áp dụng sản xuất sạch hơn cụ thể cho từng loại hình làng nghề để có các mô hình trình diễn nhân rộng cho các làng nghề. Quá trình triển khai nhân rộng mô hình cần có sự đóng góp một phần kinh phí từ các chủ cơ sở bên cạnh ngân sách nhà nước.

Bảng 5.4. Các giải pháp sản xuất sạch hơn cho làng nghề tái chế kim loại

TT	Các giải pháp	Nhóm giải pháp	Chi phí đầu tư	Lợi ích
1	Sử dụng than đá có hàm lượng lưu huỳnh thấp, có nhiệt trị cao	Thay đổi nhiên liệu đầu vào	50-100 đồng/kg than	Giảm lượng xỉ than, giảm nồng độ SO ₂ trong khói thải, nâ ng cao nhiệt độ cửa lò
2	Bảo ôn lò nung	Quản lý nội vi	200-300 nghìn đồng/lò	Tiết kiệm nhiên liệu, giảm ô nhiễm nhiệt
3	Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị	Quản lý nội vi	100 nghìn đồng/xưởng	Tăng tuổi thọ thiết bị, giảm độ ồn, rung
4	Tuần hoàn nước làm mát, nước rửa tại khâu mạ	Tuần hoàn nước	1 triệu đồng/hộ	Giảm lượng nước sử dụng và giảm lượng nước thải 20 -30%
5	Thu gom riêng nước thải khâu mạ	Tuần hoàn, Phân luồng dòng thải	200 nghìn đồng/hộ	Giảm lượng nước sử dụng và giảm lượng nước thải
6	Thông thoáng nhà xưởng	Quản lý nội vi	1-2 triệu đồng/xưởng	Giảm nồng độ khí độc và bụi trong nhà xưởng
7	Thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới hiện đại hơn	Cải tiến thiết bị	5-15 triệu đồng/xưởng	Nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ hỏng

Nguồn: Đề tài KC 08.09, 2005



Tổ chức các lớp đào tạo, trình diễn thử nghiệm áp dụng sản xuất sạch hơn cho các chủ cơ sở sản xuất tại làng nghề. Trước mắt áp dụng các giải pháp quản lý nội vi, tuần hoàn tái chế để giảm thiểu ô nhiễm môi trường mang lại lợi ích kinh tế, ít tốn kém. Sau đó nâng cấp dần lên việc thay đổi thiết bị và công nghệ tiên tiến tạo ít chất thải. Kinh phí tổ chức các lớp này có thể kết hợp nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường và do các chủ cơ sở đóng góp theo tỷ lệ thích hợp với hoàn cảnh từng địa phương.

5.5.2. Khuyến khích việc xã hội hoá công tác BVMT làng nghề

Tăng cường giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và phổ biến lồng ghép nội dung BVMT trong hương ước của làng xã

Các nội dung cần phổ biến bao gồm:

- Luật BVMT, các chính sách, văn bản liên quan tới BVMT làng nghề và các quy chuẩn môi trường của Việt Nam;
- Hoạt động sản xuất của làng nghề, các chất thải phát sinh, mức độ ô nhiễm so với quy chuẩn môi trường;
- Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường làng nghề tới sức khoẻ của cộng đồng, sản xuất nông nghiệp, cảnh quan,...;
- Các loại phí môi trường bắt buộc: phí BVMT đối với nước thải, chất thải rắn, khí thải và các quy định xử phạt hành chính;
- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường áp dụng cho làng nghề: sản xuất sạch hơn, xử lý chất thải và những kinh nghiệm tốt ở các làng nghề tương tự;
- Cơ chế hỗ trợ tài chính, cách tiếp cận vay vốn trong các hoạt động liên quan đến đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, xử lý chất thải trong sản xuất.

Hương ước làng xã là công cụ quản lý môi trường hữu hiệu ở nông thôn, lực lượng tham gia chủ yếu phải là chính những người dân trong làng nghề ở các hộ sản xuất, các hộ dân cư và các đoàn thể như hội thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh,... Hương ước cũng định kỳ thay đổi cho phù hợp với sự thay đổi của làng xã.

Khung 5.5. Hướng dẫn những nội dung chính của Hương ước

Mục đích, ý nghĩa xây dựng và tổ chức thực hiện Hương ước: nhằm vận động nhân dân giữ vệ sinh môi trường, xoá bỏ hủ tục và nâng cao trách nhiệm của người dân trong việc giữ gìn làng xóm xanh, sạch đẹp.

Những qui định chung: Quyền lợi và nghĩa vụ của người dân trong thực hiện hương ước, quy định trưởng thôn và Ban xây dựng nếp sống văn hoá của thôn điều hành thực hiện hương ước.

Những quy định cụ thể về BVMT: Quy định về thu gom, thải bỏ và xử lý chất thải rắn; Quy định về thoát nước và xử lý nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, sử dụng nguồn nước sinh hoạt; Quy định về xử lý khí thải sản xuất, tiếng ồn; Quy định bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học như không mua bán động vật quý hiếm, không dùng thuốc nổ, thuốc độc, xung điện đánh bắt cá,...; Tham gia tổng vệ sinh làm sạch đường làng ngõ xóm định kỳ và các ngày trước lễ tết, ngày Môi trường thế giới.

Khen thưởng: Là tiêu chí xét công nhận gia đình văn hoá, tuyên dương, khen thưởng cá nhân gia đình thực hiện tốt Hương ước theo qui định của thôn.

Kỷ luật: Phê bình, phạt theo quy định của thôn.

Hương ước được người dân trong thôn bàn bạc, sau khi nhất trí sẽ thực hiện.



Khuyến khích và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong BVMT làng nghề

BVMT làng nghề phải do chính các chủ cơ sở sản xuất, các cộng đồng dân cư trong làng nghề tham gia. Huy động cộng đồng tham gia BVMT làng nghề cần bao gồm cả các hình thức:

- Huy động bắt buộc: Người gây ô nhiễm phải đóng góp hoặc chi trả kinh phí cho việc khắc phục ô nhiễm (thực hiện Nghị định 67/2003/NĐ-CP về phí BVMT đối với nước thải, Nghị định số 174/2007/NĐ-CP về phí BVMT đối với chất thải rắn và sắp tới là Nghị định về phí BVMT đối với khí thải);

- Huy động tự nguyện: Huy động những người được hưởng thụ lợi ích môi trường đóng góp vào công tác BVMT bằng các hình thức: đóng góp sức lao động của các hộ gia đình, các cơ quan trường học,... vào các hoạt động như vệ sinh ngõ, xóm, khai thông cống nước thải,...; đề nghị chính quyền các cấp cho phép dành một tỷ lệ nhất định ngày lao động công ích theo luật định (pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích) cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho BVMT như hệ thống thoát nước thải, bãi chôn lấp chất thải rắn của địa phương;

- Huy động hợp tác: Huy động, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho làng nghề, xây dựng các thiết bị xử lý chất thải, thành lập các hợp tác xã quản lý chất thải, thực hiện theo hướng “nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Các hoạt động tham gia của cộng đồng có thể bao gồm:

- Giữ gìn vệ sinh sạch sẽ nơi sản xuất, nơi sinh hoạt, giữ sạch sẽ đường làng ngõ xóm;

- Tổ chức, khai thông, định kỳ nạo vét cống rãnh;

- Tham gia chương trình nước sạch;

- Thu gom rác đúng nơi quy định của làng xã, không đổ bừa bãi rác thải ra nơi công cộng;

- Tận thu chất thải sản xuất như xây hầm biogas, tận dụng xơ sắn, dong giềng làm thức ăn gia súc.

5.5.3. Khuyến khích tăng cường và đa dạng hoá đầu tư tài chính cho BVMT làng nghề

Do nguồn lực BVMT làng nghề còn hạn chế, nếu không có sự hỗ trợ của nhà nước bước đầu để tạo sự chuyển biến đột phá cả về nhận thức lẫn việc giảm tải lượng ô nhiễm cục bộ thì vấn đề BVMT làng nghề vẫn không thay đổi. Trước hết cần tập trung vào:

- Hỗ trợ kinh phí tạo cơ sở hạ tầng, trong đó có việc quy hoạch các khu/cụm công nghiệp làng nghề, hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống quản lý chất thải rắn của khu/cụm công nghiệp làng nghề, quy hoạch xây dựng các bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh cấp xã, huyện;

- Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, khuyến khích áp dụng sản xuất sạch hơn cho các mô hình trình diễn và cho vay ưu đãi với các cơ sở áp dụng nhân rộng mô hình;

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất xử lý nước thải, khí thải, quản lý môi trường bằng cho vay ưu đãi hoặc giảm thuế khi thực hiện các giải pháp này;

- Hỗ trợ một phần kinh phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm, phần còn lại thu của các cơ sở sản xuất;

- Xây dựng mức thuế thu nhập doanh nghiệp, mức lãi suất tín dụng ưu đãi cho các cơ sở sản xuất kinh doanh tại làng



nghề có áp dụng sản xuất sạch hơn nhằm khuyến khích các doanh nghiệp như giảm thuế cho phần lợi nhuận do sản xuất sạch hơn mang lại.

Đa dạng hoá các nguồn đầu tư

Các nguồn đầu tư cho BVMT làng nghề có thể từ:

- Ngân sách nhà nước dành cho BVMT (1% tổng chi ngân sách). Xây dựng cơ chế cho phép dùng vốn sự nghiệp môi trường để hỗ trợ xử lý môi trường làng nghề theo tỷ lệ phù hợp;

- Nguồn tự đầu tư của chủ cơ sở sản xuất;

- Nguồn vốn ODA dành cho BVMT;

- Quỹ BVMT Việt Nam;

- Phần phí BVMT đối với nước thải, chất thải rắn để lại cho địa phương quản lý. Cần tăng cường thu các khoản phí này để có nguồn kinh phí cấp cho BVMT làng nghề;

- Nguồn tài trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế cho BVMT làng nghề.

5.6. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HẠN CHẾ VÀ NGHIÊM CẤM

Phát triển làng nghề và các ngành nghề nông thôn là một chủ trương lớn

của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, sự phát triển này phải đảm bảo là bền vững và hài hoà các mặt kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Với hướng tiếp cận này, bên cạnh một số loại hình làng nghề sẽ phát triển mạnh cả về số lượng và quy mô sản xuất, một số khác cần được hạn chế, không khuyến khích phát triển và một số hoạt động, công nghệ cần được nghiêm cấm triệt để. Theo kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, cùng với kết quả của các công trình nghiên cứu trong nước và đề xuất, kiến nghị của các nhà khoa học, cơ quan quản lý cần thiết phải có những hạn chế và nghiêm cấm sau đây:

1. Hạn chế phát triển mới, hạn chế mở rộng các cơ sở sản xuất tái chế chất thải (nhựa, kim loại, giấy, cao su), dệt nhuộm và thuộc da thủ công trong các làng nghề;

2. Nghiêm cấm sử dụng trong làng nghề những phương pháp sản xuất thủ công và thiết bị gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;

3. Nghiêm cấm tiến hành trong làng nghề các hoạt động sử dụng quặng có tính phóng xạ, tái chế chất thải nguy hại.



Đường làng

Nguồn: Tư liệu



Xử lý rơm, rạ sau thu hoạch

Nguồn: Tư liệu



KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đất nước, bộ mặt nông thôn cũng có nhiều đổi mới. Kinh tế phát triển, đời sống của người nông dân đang được nâng cao. So với mặt bằng chung của nông thôn, cuộc sống của nhân dân của các làng nghề có sự tiến bộ cao hơn hẳn, do trong những năm qua, các làng nghề đã có những thành công đáng kể về phát triển kinh tế. Tuy nhiên, nếu chỉ có các thành tích về phát triển kinh tế thì vẫn chưa thể mang lại sự phát triển bền vững cho nông thôn. Bên cạnh thành tựu về kinh tế, làng nghề đã và đang gây ra các hậu quả nghiêm trọng về mặt môi trường. Các hoạt động sản xuất ở đây còn mang nhiều tính tự phát, nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, hiệu quả sử dụng nguyên/nhiên liệu thấp, mặt bằng sản xuất hạn chế. Các yếu tố này đã tạo sức ép lên môi trường và là nguyên nhân trực tiếp gây ô nhiễm môi trường các làng nghề và cả khu vực lân cận.

Môi trường của không ít làng nghề đang suy thoái trầm trọng. Tùy theo loại hình sản xuất, môi trường ở các làng nghề bị ô nhiễm khác nhau. Ô nhiễm nước diễn ra đặc biệt nghiêm trọng tại các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ, làng nghề tái chế giấy (ô nhiễm hữu cơ), dệt nhuộm (nước thải chứa nhiều hóa chất), tái chế kim loại (ô nhiễm kim loại nặng). Trong khi đó, ô nhiễm không khí đang diễn ra nặng nề ở các làng nghề gốm sứ, vật liệu xây dựng và khai thác đá (ô nhiễm bụi), làng nghề tái chế phế thải (ô nhiễm bụi chứa kim loại nặng và vật liệu độc hại). Một vấn đề chung nhất đối với các làng nghề là phần lớn chất thải rắn không được thu gom, mà xả thẳng vào môi trường. Theo dự báo, ô nhiễm không khí, nước và đất ở các làng nghề sẽ còn diễn biến phức tạp nếu không kịp thời và cương quyết áp dụng các giải pháp quản lý và kỹ thuật.

Ô nhiễm môi trường làng nghề là nguyên nhân gây ra các bệnh, dịch cho người dân đang lao động và sinh sống ở chính làng nghề. Xu hướng này đang gia tăng trong những năm gần đây. Ô nhiễm môi trường gây ảnh hưởng không chỉ cho sức khỏe người dân mà còn gây hậu quả xấu tới nhiều mặt của nông thôn. Ô nhiễm môi trường làm giảm năng suất nông nghiệp tại địa phương, tác động xấu trực tiếp tới các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của chính làng nghề, gây ra những tổn thất kinh tế không nhỏ và dẫn tới những xung đột môi trường trong chính làng nghề.

Người dân, các cấp chính quyền và bộ ngành đã nhận thức về ảnh hưởng, tác hại của ô nhiễm môi trường làng nghề. Trong thời gian qua, nhiều cố gắng đã được triển khai ở các cấp, các ngành; nhiều biện pháp, giải pháp đã được xây dựng, đề xuất nhằm ngăn chặn xu thế suy thoái, ô nhiễm môi trường làng nghề. Tuy nhiên, công tác BVMT làng nghề vẫn còn nhiều tồn tại: chức năng nhiệm vụ và tổ chức quản lý môi trường làng nghề chưa rõ ràng; thiếu các quy định pháp luật đặc thù cho BVMT làng nghề; quy hoạch không gian gắn với BVMT làng nghề còn nhiều bất cập dẫn đến tình trạng ô nhiễm lan rộng; các loại phí BVMT đối với chất thải còn chưa thu



được đối với các cơ sở sản xuất làng nghề; xử phạt hành chính đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường chưa được thực hiện nghiêm; công tác thanh tra, giám sát, quan trắc môi trường còn yếu kém; nguồn nhân lực, tài chính trong BVMT làng nghề còn thiếu; chưa huy động được các nguồn lực xã hội.

KIẾN NGHỊ

Đảng và Chính phủ đang triển khai sâu rộng các chủ trương, chính sách về tam nông và phát triển làng nghề vẫn là một ưu tiên trong chủ trương này. Bên cạnh các thành tựu đạt được, phát triển làng nghề đang gây ra hậu quả xấu cho môi trường làng nghề. Để ngăn chặn kịp thời và khắc phục có hiệu quả ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin kiến nghị với Chính phủ và Quốc hội một số vấn đề mang tính chất định hướng cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong thời gian tới:

1. Các cấp quản lý Trung ương cần tập trung hoàn thiện thể chế, tăng cường tổ chức thực hiện pháp luật về BVMT làng nghề;
2. Các cấp quản lý địa phương cần chú trọng nghiên cứu, thực hiện quy hoạch không gian làng nghề gắn với BVMT, tăng cường các hoạt động BVMT và xử lý chất thải đối với các làng nghề đang hoạt động, xử lý triệt để các cơ sở làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;
3. Các bộ, ngành cần tập trung thực hiện, áp dụng đồng bộ các giải pháp khuyến khích và các giải pháp hạn chế, nghiêm cấm;
4. Các hộ sản xuất, doanh nghiệp có trách nhiệm nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh và cần sớm loại bỏ các công nghệ sản xuất lạc hậu gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;
5. Cộng đồng cần tăng cường các hình thức tham gia, hỗ trợ trực tiếp cho các cơ quan quản lý môi trường địa phương để BVMT làng nghề.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bạc Liêu đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Trung tâm Giáo dục và Truyền thông môi trường.
2. Báo cáo đề tài khoa học “Hiện trạng môi trường làng nghề ở Thái Bình và một số giải pháp xử lý khả thi những làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng”. Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Bình.
3. Báo cáo đề tài Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất giải pháp Bảo vệ môi trường Tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 – Định hướng đến năm 2020. Sở Khoa học công nghệ Tỉnh Kiên Giang, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường. TP Rạch Giá – tháng 09/2006.
4. Báo cáo điều tra nghiên cứu dự báo phát triển công nghiệp nông thôn và làng nghề tại Quảng Nam – Đà Nẵng, 2001.
5. Báo cáo Ngành Nông nghiệp Việt Nam 2007 và triển vọng 2008. Bộ NN&PTNN.
6. Báo cáo Nghiên cứu về Quy hoạch phát triển ngành nghề thủ công theo hướng CNH nông thôn ở nước CHXHCN Việt Nam, Bộ NN&PTNN, JICA, năm 2004.
7. Báo cáo Quan trắc và đánh giá hiện trạng môi trường tại các làng nghề và các cụm công nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Hà Nội-2006. Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất Hà Nội. Hà Nội, 12/2006.
8. Báo cáo tổng điều tra nghiên cứu dự báo phát triển công nghiệp nông thôn và làng nghề tại Quảng Nam, Đà Nẵng. 2001.
9. Báo cáo Triển khai kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2008.
10. Chỉ thị số 28/2007/CT-BNN ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về đẩy mạnh thực hiện quy hoạch việc phát triển ngành nghề nông thôn và phòng chống ô nhiễm môi trường làng nghề.
11. Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tháng 7 năm 2004.
12. Chương trình điều tra, đánh giá tác động sức khỏe môi trường tại làng nghề đúc cơ khí Tống Xá (Nam Định), Cục Bảo vệ môi trường 2007.
13. Chương trình nghị sự 21 của Việt nam.
14. Đan Thị Lan Hương. Thực trạng vệ sinh môi trường và một số đặc điểm bệnh tật làng nghề Thiết Trụ xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Luận văn Thạc sỹ Y tế công cộng, Trường Đại học Y tế công cộng, 2002.
15. Đan Thị Lan Hương. Thực trạng vệ sinh môi trường và một số đặc điểm bệnh tật làng nghề Thiết Trụ, Hưng Yên. 2002.
16. Đào Ngọc Phong. Báo cáo khoa học “Ảnh hưởng của sản xuất nghề tới sức khỏe cộng đồng làng nghề”. Hà Nội, 2003.
17. Đề án Chương trình phát triển khu, cụm, tuyến công nghiệp và làng nghề tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2006-2010. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, tháng 01/2007.
18. Đề tài KC.08.09 “Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng các chính sách và biện pháp giải quyết vấn đề môi trường ở các làng nghề Việt Nam”. Chủ nhiệm Đặng Kim Chi. Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường, Đại học Bách Khoa Hà Nội. Hà Nội, 2005.
19. Khảo sát điều kiện lao động và bước đầu áp dụng giải pháp can thiệp tại làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Hà Tây, 2000.
20. Lê Đức Thọ. Nghiên cứu thực trạng môi trường – sức khỏe ở làng nghề làm bún Phú Đô huyện Từ Liêm thành phố Hà Nội. Đề xuất một số giải pháp can thiệp. Luận án tiến sĩ Y học. Hà Nội, 2008.
21. Lê Văn Trình, Trần Đình Bắc, Đỗ Thị Hạnh. Một số nghiên cứu bước đầu về môi trường, điều kiện lao động và sức khỏe người lao động tại các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp làng nghề”, Hội thảo khoa học công tác An toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi



- trường trong giai đoạn CNH, HĐH đất nước, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Viện Nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật và Bảo hộ lao động, Hà Nội, 2000. tr.177-199.
22. Luật xí nghiệp hương trấn nước CHND Trung Hoa, biện pháp quản lý môi trường xí nghiệp Hương trấn, thành phố Quảng Đông (theo bản dịch của PGS.TS Nguyễn Đức Khiển).
 23. Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 về Kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp, chiến lược phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã.
 24. Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.
 25. Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng môi trường đến sức khỏe cộng đồng dân cư khu vực làng nghề tỉnh Hà Tây, đề xuất các giải pháp cho phát triển bền vững. Sở KH&CN Hà Tây, 2005.
 26. Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng môi trường đến sức khỏe cộng đồng dân cư khu vực làng nghề Hà Tây. Đề xuất giải pháp phát triển bền vững, Nguyễn Quỳnh Hương, 2006.
 27. Ngô Đồng, Ô nhiễm môi trường ở làng nghề, Làng văn hóa sức khỏe. 10/07/2008.
 28. Ngô Đồng. Ô nhiễm môi trường ở làng nghề. Làng văn hóa sức khỏe, ngày 10 tháng 07 năm 2008.
 29. Nguyễn Đức Hùng và cs. Báo cáo tổng hợp Dự án “Nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ làng nghề”. Viện Khoa học Lao động và xã hội, Trung tâm nghiên cứu môi trường và điều kiện lao động. 2004.
 30. Nguyễn Hữu Chính. Tác động của môi trường lao động tới sức khỏe người làm nghề đúc tại xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Báo cáo tóm tắt Hội nghị khoa học Y học lao động toàn quốc lần thứ IV, Hà Nội, 2001.
 31. Nguyễn Thị Hồng Tú. Những vấn đề về sức khỏe và an toàn trong các làng nghề Việt Nam, Nhà xuất bản Y học. Hà Nội, 2005.
 32. Nguyễn Thị Liên Hương. Nghiên cứu nguy cơ sức khỏe ở các làng nghề tại một số tỉnh phía Bắc và các giải pháp can thiệp. Luận văn Tiến sĩ Y học, Viện Vệ sinh Dịch tễ trung ương, 2006.
 33. Nguyễn Thị Ngọc Anh. Khảo sát điều kiện lao động và bước đầu áp dụng giải pháp can thiệp tại làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây. Luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng, 2000.
 34. Nguyễn Thị Quỳnh Hương. Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng môi trường đến sức khỏe cộng đồng dân cư khu vực làng nghề tỉnh Hà Tây. Đề xuất giải pháp cho phát triển bền vững. Hà Nội, 2006.
 35. Nguyễn Thị Vinh và cộng sự. Báo cáo chuyên đề “Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của dân cư trẻ em tại làng thuần nông Yên Phong”. Hà Nội, 2007.
 36. Nguyễn Thúy Quỳnh. Mô tả điều kiện lao động và chăm sóc sức khỏe cho người lao động tại 6 cơ sở thuộc làng nghề sản xuất giấy tái sinh xã Phong Khê, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Báo cáo tóm tắt Hội nghị khoa học quốc tế Y học lao động và Vệ sinh môi trường lần thứ 1. Hà Nội, 2003.
 37. Quy ước Bảo vệ môi trường. UBND Phường Hòa Hiệp, Hòa Hiệp, 19/08/2001.
 38. Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn.
 39. Thông tư số 113/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 66/2006/NĐ-CP.
 40. Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.
 41. Tổng cục Thống kê. Niên giám thống kê 2007. Nhà Xuất bản Thống kê. Hà Nội, 2007.
 42. Tổng Cục Thống kê. Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra năm 2005, 2006, 2007. Nhà Xuất bản Thống kê. Hà Nội, 2008.
 43. Tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn và thủy sản. Tổng cục Thống kê, 2006.

44. Trần Như Phong. *Thực trạng điều kiện lao động và tình hình sức khỏe người lao động làng nghề đúc đồng Đại Bái, Bắc Ninh năm 2006*. Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội. Hà Nội, 2008.
45. Trần Thị Kim Chung. *Thực trạng điều kiện lao động và tình hình sức khỏe người lao động làng nghề sản xuất sắt Đa Hội – Bắc Ninh*. Luận văn tốt nghiệp Cử nhân Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội, 2005.
46. Viện Khoa học và Công nghệ môi trường. *Kết quả điều tra tình hình sức khỏe người dân ở một số làng nghề cả nước*. Hà Nội, 2002.
47. Vũ Mạnh Hùng và CS. *Xây dựng các giải pháp dự phòng để cải thiện môi trường, điều kiện lao động ở một số làng nghề có nguy cơ cao nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động*. Báo cáo tổng kết dự án, 7/2005.



Được mùa

Nguồn: Tư liệu